

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2020
V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh.
2. Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ánh M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý và sống chung với nhau từ năm 1993 cho đến nay tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nhưng giữa bà M và ông C không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, giữa bà M và ông C chung sống với nhau hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1994 và Lê Văn S, sinh năm 1996. Từ năm 2016 cho đến nay, giữa bà M và ông C thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, hai người không còn hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông C thường có hành vi đe

đọa, xúc phạm đối với bà M. Bà M nhận thấy tình cảm vợ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C có 02 người con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1994 và Lê Văn S, sinh năm 1996. Hiện tại, Lê Thị Thanh T và Lê Văn S đã đủ 18 tuổi, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Lê Văn C trình bày:

Ông Lê Văn C thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Ánh M về quá trình tìm hiểu, sống chung với nhau và có các con chung. Giữa ông C và bà M chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay nhưng không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, ông C và bà M chung sống với nhau hạnh phúc tại Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khoảng từ năm 2016 cho đến nay, giữa ông C và bà M thường phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai người cũng không có biện pháp để hàn gắn lại tình cảm. Bà Nguyễn Thị Ánh M yêu cầu Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C là vợ chồng thì ông C đồng ý.

Về con chung: Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh M có 02 người con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1994 và Lê Văn S, sinh năm 1996. Ông C thống nhất với ý kiến của bà M, các con chung đã 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà M không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1987. Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh M, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Ánh M yêu cầu Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C là vợ chồng. Ông Lê Văn C đang cư trú tại Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C thống nhất giữa bà M và ông C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây tình tiết không phải chứng M theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng M”* và phù hợp với nội dung tại biên bản xác M ngày 02/3/2020. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà M và ông C chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1987: *“Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định”*, không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà Nguyễn Thị Ánh M yêu cầu Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C là vợ chồng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét thấy yêu cầu của bà M là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C có 02 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1994 và Lê Văn S, sinh năm 1996. Hiện tại, Lê Thị Thanh T và Lê Văn S đã đủ 18 tuổi, bà M và ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh M là có căn cứ.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1987.

Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh M đối với ông Lê Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Ánh M và ông Lê Văn C là vợ chồng.
2. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh M phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030859 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bồ Quốc Khánh Đoàn Văn Lước

Hồ Thế Chính

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

Hồ Thế Chính

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Bồ Quốc Khánh Đoàn Văn Lước

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính

